

Số: 588-CV/TĐTN-PTTN

“V/v đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia năm 2020”

Quảng Trị, ngày 31 tháng 5 năm 2019

Kính gửi: Ban Thường vụ các huyện, thị, thành Đoàn

Ngày 24/5/2019, Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn nhận được Công văn số 70/TTKC-KC, ngày 20/5/2019 của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại về việc xây dựng kế hoạch khuyến công quốc gia năm 2020, Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn yêu cầu Ban Thường vụ các huyện, thị, thành Đoàn triển khai một số nội dung sau:

1. Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về hoạt động khuyến công trong toàn thể đoàn viên, thanh niên địa phương.

2. Bám sát, nghiên cứu các nội dung, lĩnh vực đề án đăng ký và các quy định liên quan đến mức hỗ trợ tại các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động khuyến công và các văn bản liên quan để hướng dẫn cơ sở, mô hình của đoàn viên, thanh niên trên địa bàn xây dựng, đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia năm 2020. Nội dung đề án đăng ký phù hợp với các ngành nghề quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công, cần tập trung vào các nội dung như: Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến trong sản xuất, chế biến sản phẩm; hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết, hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp (CCN). Đối với các đề án hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các CCN và đề án đầu tư kết cấu hạ tầng CCN cần lựa chọn CCN mà chủ đầu tư dự kiến hoàn thành hạng mục hoặc gói thầu đề nghị hỗ trợ trong năm kế hoạch; các CCN có hồ sơ pháp lý đầy đủ (kèm theo Quyết định số 4371/QĐ-BCT, ngày 23/11/2018 của Bộ Công thương về việc phê duyệt mức hỗ trợ kinh phí khuyến công quốc gia).

3. Quan tâm xây dựng, đề xuất các đề án khuyến công quốc gia điểm, đề án KCQG nhóm, có tác động lan tỏa, tận dụng được tiềm năng, lợi thế của địa phương về lao động, nguyên liệu, thị trường và các đề án khuyến công hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu đạt cấp khu vực, cấp quốc gia.

* **Hồ sơ và thời gian đăng ký:** Đề án đăng ký gửi về Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn (qua Ban Phong trào Thanh niên, số 17, đường Hai Bà Trưng, TP. Đông Hà, SĐT: 02333.851.149 và file mềm gửi về email: banpttn@gmail.com) trước ngày **10/6/2019** (có biểu mẫu kèm theo).

Nhận được Công văn này, Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn đề nghị Ban Thường vụ các huyện, thị, thành Đoàn triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ và nội dung đề ra.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, PT.

TM. BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ĐOÀN**PHÓ BÍ THƯ****Trần Xuân Anh**

TỈNH ĐOÀN QUẢNG TRỊ
BCH ĐOÀN.....

ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH

Quảng Trị, ngày tháng 5 năm 2019

DANH MỤC ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA NĂM 2020

TT	Tên đề án	Đơn vị thực hiện	Mục tiêu và nội dung chính	Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện		Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó			Ghi chú
					Bắt đầu (tháng)	Kết thúc (tháng)		KP Khuyến công quốc gia	KP đóng góp của đơn vị thụ hưởng	Nguồn khác	

Ghi chú:

- Tên đề án phải ngắn gọn: Hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến trong sản xuất/chế biến (tên sản phẩm); xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất/chế biến (tên sản phẩm).
- Đối với đề án xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật: Xác định rõ là công nghệ/ sản phẩm mới mà trên địa bàn cấp huyện chưa có cơ sở nào sản xuất hoặc mới chỉ có một đơn vị sản xuất công nghệ/ sản phẩm mới đó.
- Các đơn vị ghi rõ máy móc thiết bị cần hỗ trợ (tên máy; model; xuất xứ; giá trị của từng máy).

....., ngày tháng năm 2019

TM. BAN THƯỜNG VỤ

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt mức hỗ trợ kinh phí khuyến công quốc gia

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Công Thương địa phương tại Tờ trình số 73/TTr-CTĐP ngày 19 tháng 11 năm 2018 về việc phê duyệt mức hỗ trợ kinh phí khuyến công quốc gia;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mức hỗ trợ kinh phí khuyến công quốc gia, áp dụng đối với việc giao kế hoạch kinh phí khuyến công quốc gia từ năm 2019.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Công Thương địa phương, Vụ trưởng Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có liên quan, các tổ chức dịch vụ khuyến công chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (đề b/c);
- Lưu: VT, CTĐP.



Cao Quốc Hưng

Phụ lục

MỨC HỖ TRỢ KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số **4371** /QĐ-BCT ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

I. Các nội dung hoạt động khuyến công quốc gia (trừ các nội dung về hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới; hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp): Mức hỗ trợ kinh phí khuyến công quốc gia áp dụng theo mức chi chung và mức chi hoạt động khuyến công quốc gia tối đa đã quy định tại Điều 7, Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

II. Các nội dung hoạt động khuyến công quốc gia về hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới; hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp: Mức hỗ trợ kinh phí khuyến công quốc gia áp dụng theo khung định mức như sau:

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới

TT	Tổng vốn đầu tư (*)	Mức kinh phí KCQG hỗ trợ tối đa (Triệu đồng)	Ghi chú
1	Từ 2.000 triệu đồng đến dưới 4.000 triệu đồng	400	(*) Tổng vốn đầu tư để xác định mức hỗ trợ bao gồm các chi phí: Xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ xây dựng mô hình.
2	Từ 4.000 triệu đồng đến dưới 6.000 triệu đồng	500	
3	Từ 6.000 triệu đồng đến dưới 8.000 triệu đồng	600	
4	Từ 8.000 triệu đồng đến dưới 10.000 triệu đồng	700	
5	Từ 10.000 triệu đồng đến dưới 12.000 triệu đồng	800	
6	Từ 12.000 triệu đồng đến dưới 15.000 triệu đồng	900	
7	Từ 15.000 triệu đồng trở lên	1.000	

* Riêng đối với các địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, các huyện nghèo theo quy định của pháp luật, khung định mức hỗ trợ như sau:

TT	Tổng vốn đầu tư (*)	Mức kinh phí KCQG hỗ trợ tối đa (Triệu đồng)	Ghi chú
1	Từ 1.500 triệu đồng đến dưới 3.000 triệu đồng	400	(*) Tổng vốn đầu tư để xác định mức hỗ trợ bao gồm các chi phí: Xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ xây dựng mô hình.
2	Từ 3.000 triệu đồng đến dưới 4.500 triệu đồng	500	
3	Từ 4.500 triệu đồng đến dưới 6.000 triệu đồng	600	
4	Từ 6.000 triệu đồng đến dưới 7.500 triệu đồng	700	
5	Từ 7.500 triệu đồng đến dưới 9.000 triệu đồng	800	
6	Từ 9.000 triệu đồng đến dưới 10.500 triệu đồng	900	
7	Từ 10.500 triệu đồng trở lên	1.000	

2. Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

TT	Tổng vốn đầu tư (*)	Mức kinh phí KCQG hỗ trợ tối đa (Triệu đồng)	Ghi chú
I	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến		(*) Tổng vốn đầu tư để xác định mức hỗ trợ là chi phí mua sắm máy móc, thiết bị hoặc dây chuyền công nghệ
1	Từ 400 triệu đồng đến dưới 600 triệu đồng	200	
2	Từ 600 triệu đồng trở lên	300	
II	Hỗ trợ ứng dụng dây chuyền công nghệ		
1	Từ 700 triệu đồng đến dưới 900 triệu đồng	350	
2	Từ 900 triệu đồng trở lên	450	

3. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp

TT	Tổng dự toán được phê duyệt của hạng mục công trình hoặc gói thầu đề nghị hỗ trợ	Mức kinh phí KCQG hỗ trợ tối đa (Triệu đồng)
1	Từ 7.000 triệu đồng đến dưới 8.500 triệu đồng	2.000
2	Từ 8.500 triệu đồng đến dưới 10.000 triệu đồng	2.500
3	Từ 10.000 triệu đồng đến dưới 12.000 triệu đồng	3.000
4	Từ 12.000 triệu đồng đến dưới 13.500 triệu đồng	3.500
5	Từ 13.500 triệu đồng đến dưới 15.000 triệu đồng	4.000
6	Từ 15.000 triệu đồng đến dưới 17.000 triệu đồng	4.500
7	Từ 17.000 triệu đồng đến dưới 18.500 triệu đồng	5.000
8	Từ 18.500 triệu đồng đến dưới 20.000 triệu đồng	5.500
9	Từ 20.000 triệu đồng trở lên	6.000

0NDU